

KÊ GIÀY - VÂN CÁT - AN THÁI - TIÊN HƯƠNG TRONG SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU LÀNG XÃ VÀ ĐỊA DANH CÓ THỂ KHẢO

Nguyễn Đạt Thức*

Tóm tắt: *Quanh tục thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh phủ Giày (Nam Định) - Từ gợi ý - câu hỏi nghiên cứu của cố giáo sư Trần Quốc Vượng: "Vi sao Vân Cát - Tiên Hương là một hồi sau tách đôi và rồi đã đang lần kết đôi?", qua khảo sát tư liệu Hán Nôm liên quan và thực địa, bài viết bước đầu phác họa lại mối quan hệ sử - địa chính giữa Kê Giày - Vân Cát - An Thái - Tiên Hương, những địa danh nổi tiếng gắn với tục thờ Thánh Mẫu trong lịch sử, tạo cơ sở tiền đề cho việc tìm hiểu về lịch sử - văn hóa vùng đất Kê Giày và tục thờ Thánh Mẫu trong những nghiên cứu tiếp theo.*

Từ khóa: *Kê Giày, Vân Cát, An Thái, Tiên Hương, Thánh Mẫu Liễu Hạnh.*

T trên tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4 (76) - 2001, trong một bài viết, GS. Trần Quốc Vượng đã rất khéo léo trước, đón sau quanh câu hỏi: "Vi sao Vân Cát - Tiên Hương là một hồi sau tách đôi và rồi đã đang lần kết đôi?" (1).

Sau khi đi điền dã và tham khảo sách của bà Đoàn Thị Điểm, ông đưa ra một giả thuyết khoa học về Kê Giày như sau: "Xã Vân Cát vốn có cơ cấu 4 giáp: Đông, Tây, Nam, Bắc - là bốn gò (cồn) cát ven biển xưa. Sau đó, hai giáp Tây, Nam tách ra thành thôn, (làng) An Thái trong cơ cấu "nhất xã, nhị thôn", rồi sau đó nữa (không đã chắc phải ở thế kỷ XV (Mẫu xuất hiện sau hai ông nghề Vân Cát - An Thái (2) 100 năm và trước bà Hồng Hà nữ sử họ Đoàn 150 năm. Thời hai cụ nghề chưa hề có Phủ Mẫu Vân Cát - Tiên Hương) nhưng cũng không quá thế kỷ XVIII (đầu thế kỷ XVIII bà Đoàn nói Mẫu "giáng trần" ở thôn An Thái xã Vân Cát, thế kỷ XIX đã có tên An Thái), An Thái đã chạy biệt xã" (3).

Giờ đây, khi điều kiện tư liệu và thực địa như có vẻ sáng hơn, trong phạm vi bài viết này, bước đầu chúng tôi phác họa lại mối

quan hệ địa chính giữa Kê Giày - Vân Cát - An Thái - Tiên Hương trong lịch sử, nhằm tạo tiền đề cho việc tìm hiểu về địa - văn hóa - lịch sử vùng đất Kê Giày và tục thờ Thánh Mẫu trong những nghiên cứu tiếp theo.

1. Kê Giày

Kê Giày, nơi có phủ Giày - một địa danh cổ gắn với tục thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh, đã "mờ" về nghĩa và phạm vi địa lý... Diễn giải về ý nghĩa phủ Giày, có truyền thuyết cho rằng, khi Thánh Mẫu Liễu Hạnh giáng trần rồi lên thiên đình, đánh rơi/để lại chiếc giày cùng những diềm báo lạ, dân vừa sợ vừa kính ngưỡng, lập đền phụng thờ, đặt tên vùng đất ấy là Kê Giày. Về tính xác thực trong truyền thuyết này, đã nhiều người quan tâm giải mã nhưng vẫn còn là một điểm mù trong nhận thức. Từ góc nhìn địa - văn hóa, quan điểm cho rằng, vùng lõi của Kê Giày xưa, có thể rộng hơn phạm vi của hai làng Vân Cát và Tiên Hương, thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, nơi có hai phủ phụng thờ Thánh Mẫu Liễu Hạnh: Phủ Vân Cát và phủ Tiên Hương, đều gọi/gọi được là phủ Giày được nhiều người ủng hộ.

* Cục Di sản văn hóa.

2. Vân Cát

Hiện tại, trong nhà thờ Trần Bích Hoàng (thôn Vân Cát, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) còn 02 sắc phong thời Lê, phong cho hậu duệ của Trần Bích Hoàng ghi nhận Vân Cát là tên địa danh cấp xã: 1). Sắc niên đại Đức Long năm thứ 3 (1631), phong cho Phó Chánh Đội trưởng Trần Bá Cơ, người xã Vân Cát, huyện Thiên Bản (Thiên Bản huyện, Vân Cát xã); 2). Sắc niên đại Vĩnh Hựu năm thứ 5 (1744), phong cho Trần Thị Ban, người xã Vân Cát, huyện Thiên Bản (Thiên Bản huyện, Vân Cát xã). Như vậy, có thể khẳng định, dưới thời Lê, Vân Cát là địa danh hành chính cấp xã - xã Vân Cát (4), thuộc huyện Thiên Bản. Trong điều kiện tư liệu hiện nay, chưa thể định chính xác thời điểm xuất hiện địa danh xã Vân Cát nhưng có thể thấy, đến thế kỷ XVIII, xã Vân Cát là một địa danh hành chính cấp xã, thuộc huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng. Liên tưởng tới nguyên bản truyện Vân Cát thần nữ (Nữ thần ở Vân Cát), nếu đúng truyện này do Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748) chép, chắc hẳn, khi bà chép truyện này (trước năm 1743), về lý, Vân Cát phải được ghi nhận với tư cách là tên một địa danh hành chính cấp xã.

Sang thời Nguyễn, năm Gia Long thứ 4 (1805), Vân Cát vẫn được ghi nhận là đơn vị hành chính cấp xã (xã Vân Cát, huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng) (5). Sau đó, chưa rõ lý do, ít nhất từ năm Gia Long thứ 10 (1811), Vân Cát đã trở thành một thôn/giáp, thuộc xã An Thái (6). Lý do: Hiện nay, truyện Vân Cát Thần nữ khắc trong sách Truyền kỳ tân phả, khắc năm Gia Long thứ 10 (1811), là bản in được định bản sớm nhất. Mở đầu truyện, có câu: 安太雲葛天本之名香/An Thái Vân Cát Thiên Bản chi danh hương. Về câu này, hầu hết các bản dịch sang tiếng Việt đều “thống nhất” dịch là: Thôn An Thái, xã Vân Cát là một làng nổi tiếng của/ở huyện Thiên Bản. Và, dân ta, các nhà nghiên cứu, nhiều thế hệ nay, cứ thế hăng say thưởng thức, tích cực

trích dẫn và đi sâu phân tích nhiệt tình, không may may gọn chút gì nghi hoặc? Gần đây, khi đọc bản chữ Hán, liên tưởng tới những bản tiếng Việt đã tham khảo, chúng tôi thấy ngỡ ngờ, bởi trong cấu trúc câu: 安太/雲葛/天本之名香 (An Thái/Vân Cát/Thiên Bản chi danh hương), An Thái, Vân Cát là hai địa danh trong quan hệ thuộc cấp trên/dưới. Vậy quan hệ thuộc cấp giữa An Thái và Vân Cát ở đây ra sao? Chúng tôi tin, là nhiều người trong số chúng ta hiện nay, khi nghe thầy chùa, thầy cúng... tuyên sớ cổ Hán văn đoạn: Việt Nam quốc/A tỉnh/B huyện/C xã/D thôn... đều hiểu là: Thôn D/xã C, huyện B, tỉnh A, nước Việt Nam... Được biết, trong ngữ pháp cổ Hán Văn, với quan hệ địa danh thuộc cấp, khi liệt kê, cấp trên kê trước, cấp dưới kê sau. Ngữ pháp tiếng Việt nay thì ngược lại. Mặt khác, tên và nội dung truyện Vân Cát thần nữ khẳng định, nữ thần ở Vân Cát, nếu xác định, Vân Cát ở đây là đơn vị cấp xã thì cần gì phải thêm thôn An Thái thuộc xã này vào để làm gì cho rườm rà, thừa thãi? Thôn An Thái không liên quan! Nội dung truyện cũng không hề đề cập tới chi tiết thần nữ giáng sinh ở thôn An Thái? Trong trường hợp, nếu coi An Thái và Vân Cát cùng cấp thôn, cùng cấp làng hoặc cùng cấp xã thì lại càng vô lý, bởi tên truyện là *Vân Cát thần nữ* (Thần nữ ở Vân Cát), không cần “khoác” thêm An Thái vào để làm gì? Đến đây, rõ ràng, theo cấu trúc ngữ pháp cổ Hán văn, câu 安太雲葛天本之名香 (An Thái Vân Cát Thiên Bản chi danh hương) phải được hiểu đúng là: Thôn Vân Cát, xã An Thái là một làng nổi tiếng của/ở huyện Thiên Bản. Và, một giá thiết làm việc được đặt ra, là đương thời, nếu Đoàn Thị Điểm chép truyện *Vân Cát thần nữ*, Vân Cát giữ tư cách là địa danh cấp xã. Khi “nhà xuất bản” Lạc Thiện đường san khắc truyện này (năm 1811), Vân Cát mang thân phận là một thôn trong xã Yên Thái mà thôi - xã Vân Cát đã sáp nhập (hợp xã) với xã An Thái thành xã An Thái mới. Qua chi tiết này, có thể thấy, đương thời, Lạc Thiện đường là một nhà xuất bản uy tín và đầy trách nhiệm.

Đến năm Tự Đức 6 (1853), vì tránh chữ *Thiên*, thuộc diện các từ tôn kính, huyện Thiên Bản được đổi thành huyện Vụ Bản (7). Sau đó không lâu, thôn Vân Cát tách khỏi xã An Thái (biệt xã (8)), tái lập xã Vân Cát, xã An Thái được đổi tên thành xã Tiên Hương - khoảng năm Tự Đức thứ 14 (1861) (9) hoặc năm Tự Đức thứ 15 (1862) (10). Về lý do chia tách xã, chúng tôi xin biện giải sau. Hai xã này ổn định về cơ cấu đến khi cùng hợp nhất với xã Kim Bảng thành xã Kim Thái vào năm 1947.

3. An Thái

Qua khảo chứng, như vừa mờ vừa tỏ. Trong *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Khiếu Năng Tĩnh (11), đương thời là một người rất am tường lịch sử Nam Định gián tiếp khẳng định, từ cuối thế kỷ XV, An Thái (12) đã tồn tại với tư cách là một xã thuộc huyện Thiên Bản. Đành rằng, ghi chép của ông cũng chỉ là ảnh xạ của lịch sử?

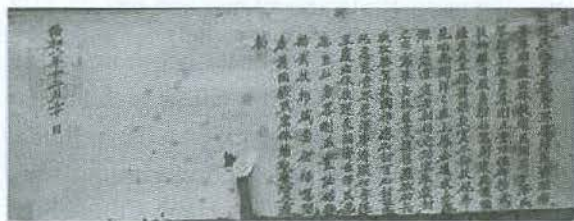
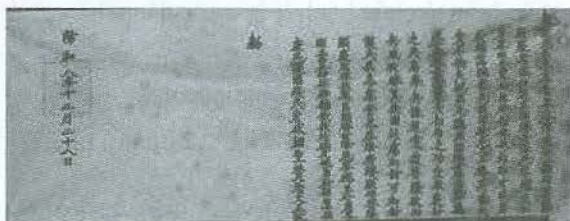
Qua văn tự (Hán Nôm), ít nhất từ nửa cuối thế kỷ XVIII, An Thái từng giữ tư cách là một đơn vị hành chính cấp xã - xã An Thái, thuộc huyện Thiên Bản. Cụ thể, dòng ghi chú trên mặt sau sắc phong cho Liễu Hạnh Công chúa vào năm Vĩnh Khánh 2 (1730) ghi: 天本縣安泰社/Thiên Bản huyện An Thái xã/xã An Thái, huyện Thiên Bản. Thông tin xã An Thái, thuộc huyện Thiên Bản còn được ghi lại trên mặt sau hai sắc phong cho: Quế Hoa Công chúa vào năm Cảnh Hưng 44 (1783) - 天本縣安泰社黃焚/Thiên Bản huyện, An Thái xã hoàng phần/[ý là] xã An Thái, huyện Thiên Bản hóa; sắc phong Duy Tiên Công chúa vào năm Cảnh Hưng 44 (1783) - 天本縣安泰社黃焚/Thiên Bản huyện, xã An Thái hoàng phần/[ý là] xã An Thái, huyện Thiên Bản hóa. Cả ba sắc này hiện đều được lưu tại phủ Tiên Hương. Ngoài ra, mặt sau sắc phong cho Đệ nhị Ngọc nữ Quỳnh cung Duy Tiên Công chúa vào năm Cảnh Hưng 28 (1767) có ghi dòng: 安泰殿第二/An Thái xã Đệ nhị/Sắc phong cho Mẫu Đệ nhị, xã An Thái. Tuy nhiên, xét về mặt thể

thức sắc phong thần thời Lê, những thông tin này không thuộc phạm vi nội dung lòng sắc, tức là, các sắc thời Lê chỉ phong trực tiếp cho thần, không ghi thông tin xác nhận sắc ban cho cộng đồng/đơn vị hành chính nào (không quy định rõ nghĩa vụ thờ cúng cho bất kỳ, xã, tổng, huyện... nào). Như vậy, có thể khẳng định, đây là những bản pho, sau khi tiếp nhận, những thôn trên mới được dân địa phương liên quan ghi vào để khẳng định/đánh dấu các sắc này thuộc về xã An Thái, huyện Thiên Bản trong mối quan hệ thờ tự Thánh Mẫu chung với xã Vân Cát đương thời. Vậy hai sắc phong năm Cảnh Hưng 44 (1783), với mặt sau ghi rõ: 天本縣安泰社黃焚/Thiên Bản huyện, An Thái xã hoàng phần/[ý là] xã An Thái, huyện Thiên Bản hóa nhưng tại sao lại không được hóa mà tồn tại đến tận bây giờ? Rất có thể, vì một lý do nào đó, như gặp biến cố lớn kéo dài - do chiến tranh, vỡ đê, lụt lội chẳng hạn mà sau khi rước sắc về, cộng đồng không có điều kiện tổ chức hành lễ hóa sắc dâng thần.

Nhân đây, xét thấy cũng cần nói thêm về hai sắc này, trong câu: 天本縣安泰社黃焚/Thiên Bản huyện, An Thái xã hoàng phần/[ý chi] xã An Thái, huyện Thiên Bản hóa, về mặt từ vựng, “hoàng phần” là tổ hợp từ sai về cấu trúc, đúng ra phải viết là “phần hoàng” (13). Tục xưa, khi được ân điển vua phong, đương sự phải cáo tế tổ tiên, dâng văn tế viết trên giấy vàng, tế xong hóa đi, gọi là phần hoàng, các cụ nhà ta hay gọi là hóa vàng. Đối với việc thờ thần cũng vậy, ngoài việc hóa văn tế còn có tục hóa sắc. Từ quan niệm Nho giáo, vua là thiên tử (con trời), dưới gầm trời này, không có đất nào không thuộc về vua, không có ai không phải là bề tôi của vua. Với thần linh cũng vậy, vua có quyền hiệu triệu thần linh đốc sức hiệu linh phù hộ xã tắc, hoàng gia và thần dân trăm họ. Vua có quyền ban sắc phong tặng hoặc phế truất thần (không cho thờ phụng). Thần sắc là một dạng văn bản hành chính của triều đình phong cho thần, xác nhận tư cách chính thần (ghi trong Tự điển) được phép thờ tự. Trước thời Nguyễn, sau khi

nhận bản kê khai của địa phương, đối chiếu quy định, thường là Cục Quản giám bách thần xem xét, lập danh sách các thần xứng được phong hoặc gia phong trình vua phê duyệt. Với các vị thần xứng được phong hoặc gia phong, triều đình sẽ cấp sắc cho địa phương, nơi thờ tự, gồm bản chính và bản phó với nội dung, hình thức như nhau (01 bản hóa gửi cho thần, 01 bản giữ lại làm vi bằng). Về sau, xét thấy việc này tốn kém, gây lãng phí, triều đình chỉ cấp 01 bản. Sau khi tiếp nhận sắc, dân muốn theo lệ cũ, nếu hóa sắc gốc thì không có gì giữ lại làm vi bằng nên phải tự sao hoặc thuê người sao y (số lượng tùy nhu cầu hành lễ), tế xong rồi hóa để tỏ rõ lòng thành kính đối với thần. Tuy nhiên, việc sao y sắc (như thật) không hề đơn giản Xuất phát từ nhu cầu này, dịch vụ ngâm sao y sắc dần được hình thành và phát triển, len lỏi vào tận cung đình. Qua khảo sát điền dã, chúng tôi cũng đã bắt

gặp một vài trường hợp tại di tích hiện nay còn lưu cả bản chính và bản phó (sao) sắc phong của triều đình cho cùng một vị thần tại một thời điểm, như ở miếu Voi Phục, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội chẳng hạn. Sắc phong cho “Hộ Dân Hoàng Huệ Từ Quán Giới Hậu Trạch Quảng Tế Hiền Hựu Phổ Trạch Hiền Khánh Hoàng Hưu Phù Vận Khuông Quốc Tế Thế Trạch Dân Hậu Đức Chí Nhân Dũng Lược Cương Chính Phong Công Tá Tích Dương Vũ Phù Tộ Hùng Tài Uy Dũng Diễn Phúc Đốc Bật Khang Dân Hộ Quốc Tuy Dân Đại vương” vào ngày 28 tháng 12 năm Dương Hòa thứ 8 (1642), viết trên giấy sắc vẽ hoa văn rồng mây, đóng dấu Sắc mệnh chi bảo. Tuy nhiên, khi đối chiếu, so với bản chính, bản phó (sao y) viết thiếu ba chữ (trong đó có hiện tượng khuyết một chữ/đề cách nhật ở dòng niên đại, chưa rõ người sao cổ tình hay hữu?)



Bản chính và bản phó/ sao sắc Dương Hòa thứ 8 (1642) tại miếu Voi Phục, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Nguồn: tác giả.

Dưới thời Nguyễn, lệ phong thần sắc và hóa sắc vẫn được duy trì nhưng có phần giản lược. Điểm khác, là để tránh việc lợi dụng khai man lịch sử thờ tự (tư cách chính thần), lòng sắc thời Nguyễn ghi rõ nơi thờ tự (thường đủ thông tin, xã, huyện, tỉnh) và giao nghĩa vụ thờ tự cho một cộng đồng cụ thể.

Một tư liệu xác tín nữa ghi nhận sự tồn tại của An Thái, với tư cách là đơn vị hành chính cấp xã (xã An Thái, thuộc huyện Thiên Bản), đó là sổ ruộng đất (địa bạ triều Nguyễn) (14) (bản Giáp/bản thứ nhất của quốc triều Nguyễn, xưa lưu tại Bộ Hộ) (15). Theo đó, năm Gia Long thứ 4 (1805), An Thái là một xã, thuộc huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng,

(xứ) Sơn Nam Hạ (16). Muộn hơn, hai sắc phong cho Liễu Hạnh Công chúa và Quảng Cung Quế Hoa Công chúa, đều có niên đại năm Minh Mệnh 2 (1821), hiện đang lưu tại phủ Tiên Hương cũng ghi nhận điều này: *Sắc cho xã An Thái, huyện Thiên Bản được phụng thờ thần như lệ cũ. Thần hãy che chở, bảo vệ muôn dân của trẫm.* Sau niên đại Minh Mệnh, dưới thời Thiệu Trị, sắc phong cho Liễu Hạnh Công chúa vào năm Thiệu Trị 4 (1844) và sắc phong cho Đệ tam Ngọc nữ Quảng cung Quế Anh Phu nhân vào năm Thiệu Trị 4 (1844) tại phủ Tiên Hương cũng ghi nhận, đương thời, An Thái là một xã thuộc huyện Thiên Bản. Đến năm Tự Đức thứ 14 (1861) (17) hoặc

năm Tự Đức thứ 15 (1862) (18), xã An Thái được đổi tên thành xã Tiên Hương.

4. Tiên Hương

So với Vân Cát và An Thái, Tiên Hương là địa danh xuất hiện khá muộn - Năm Tự Đức thứ 14 (1861) (19) hoặc năm Tự Đức thứ 15 (1862) (20), xã An Thái được đổi tên thành xã Tiên Hương khi thôn/giáp Vân Cát tách ra, tái lập xã Vân Cát. Từ đây, xã Tiên Hương giữ cơ cấu 1 xã, 3 giáp/thôn: Vân Đình - tức thôn Tiên Hương, La Tây (sau tách thành La Khê và Tây Cầu) và Nham Miếu, rồi đa dạng hơn nữa, cho đến khi hợp nhất với xã Vân Cát, xã Kim Bảng thành xã Kim Thái (1947).

5. Thay lời kết

Qua lịch sử địa danh, có thể tạm xác lập mối quan hệ địa chính giữa Kẻ Giày - Vân Cát - An Thái - Tiên Hương như sau: Từ cơ cấu Kẻ Giày xưa, có thể rộng hơn phạm vi của hai làng Vân Cát và Tiên Hương, thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định hiện nay, ít nhất, từ thế kỷ XVII, Vân Cát và An Thái đã là hai đơn vị hành chính cấp xã, thuộc huyện phủ Kiến Hưng, huyện Thiên Bản, (xứ) Sơn Nam Hạ, ổn định, độc lập ít nhất tới năm Gia Long thứ 4 (1805)... Năm Gia Long thứ 10 (1811), Vân Cát đã giữ vai trò là một giáp/thôn đứng đầu trong 4 giáp/thôn của xã An Thái (Giáp Nhất - thôn Vân Cát, Giáp Nhị - thôn Vân Đình, Giáp Tam - thôn La Tây, Giáp Tứ - thôn Nham Miếu) (21). Cũng chỉ trong khoảng từ năm Gia Long thứ 4 (1805) đến năm Gia Long thứ 10 (1811), xã Vân Cát và xã An Thái (cũ) được hợp nhất thành xã An Thái (mới), sau Vân Cát lại tách ra tái lập xã Vân Cát - An Thái (mới) được đổi thành xã Tiên Hương (khoảng 1861 - 1862). Đến năm 1947, Tiên Hương, Vân Cát lại được hợp nhất với xã Kim Bảng thành xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, nơi có phủ Giày nổi tiếng hiện nay. Đó là một khung nền sử - địa chính căn bản về Kẻ Giày xưa để tiếp cận những vấn đề lịch sử - văn hóa liên quan./.

1. Trần Quốc Vương (2001), "Vì sao Vân Cát - Tiên Hương là một hồi sau tách đôi và rồi đã và đang lần kết đôi?", tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 4 (76).

2. Trần Quốc Vương (2001), bdd. Hai ông nghề Vân Cát - An Thái mà GS. Trần Quốc Vương đề cập ở đây là: Trần Bích Hoành/Hoàng, người phủ Kiến Hưng, huyện Thiên Bản, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất năm Hồng Đức thứ 9 (1478) và Trần Kỳ, người phủ Kiến Hưng, huyện Thiên Bản đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi niên hiệu Hồng Đức năm thứ 18 (1487).

3. Trần Quốc Vương (2001), bdd, tr. 21.

4. Sắc phong nhà thờ Trần Bích Hoành ở thôn Vân Cát, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

5. Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1, *Phông Địa bạ triều Nguyễn*, hồ sơ số 6529, lập năm Gia Long thứ 4 (1805), sao lại vào năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) - Địa bạ xã Vân Cát.

6. Truyền kỳ tân phả (Hồng Hà Đoàn phụ nhân trước, Lạc Thiện đường tàng bản), bản khắc năm Gia Long thập niên (1811), Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A.48: 182 tr., 27 x 15, in tại Lạc Thiện Đường năm Gia Long 10 (1811).

7. *Đồng Khánh Dư địa chí*: Huyện Vụ Bản: Thời Lý - Trần là huyện Hiên Khánh, thuộc phủ Ứng Phong (đời Trần là phủ Kiến Hưng); thời thuộc Minh đổi là Yên Bản 安本 thuộc phủ Kiến Bình. Nhà Lê, năm Quang Thuận 10 (1469) đời Lê Thánh Tông đổi là huyện Thiên Bản 天本縣, thuộc phủ Nghĩa Hưng. Năm Tự Đức 6 (1853) tránh chữ *Thiên* thuộc diện các từ tôn kính, đổi là Vụ Bản 務本縣. Nay là huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

8. Biệt xã: Tách xã, chỉ một cộng đồng tách khỏi xã cũ, thành lập xã mới hay một xã tách thành hai xã. Đây là chuyện xưa như lịch sử văn hóa trung đại Việt Nam. Từ góc nhìn văn hóa, chúng tôi tạm hiểu: biệt xã là câu chuyện chia làng - tách xã.

9. Nguyễn Ôn Ngọc, Nam Định tỉnh địa dư chí (Phòng Địa chí Thư viện tỉnh dịch), tr.39 - <http://thuviennamdinh.vn/userfiles/Nam%20%C4%90%E1%BB%8Bnh%20t%E1%BB%89nh%20%C4%91%E1%BB%8Ba%20d%C6%B0%20ch%C3%AD%20-%20Nguy%E1%BB%85n%20On%20Ng%E1%B%8Dc%2812%29.pdf>

10. Đồng Khánh Dư địa chí chú: Xã Tiên Hương: Đầu Nguyễn về trước là xã An Thái. Từ năm Tự Đức thứ 15 (1862) kiêng húy Ngãi vương Nguyễn Phúc Thái, đổi là xã Tiên Hương.

11. Khiếu Năng Tĩnh (1833-1915), quê xã Chân Mỹ (nay là thôn Trục Mỹ, xã Yên Cường), huyện Ý Yên, Nam Định, đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Canh Thân (1880), được bổ làm Đốc học Nam Định, rồi Đốc học Hà Nội, sau thăng Quốc Tử giám Tế tửu. Lúc về trí sĩ tại quê, ông mở trường dạy chữ, để lại nhiều trước tác về địa chí, thơ văn...

12. Trong *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*, Khiếu Năng Tĩnh cho biết: “Trần Kỳ Người xã An Thái huyện Thiên Bản, đỗ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân khoa Đinh Mùi năm Hồng Đức 18 (1487) làm quan Đông các điện đại học sỹ”.

13. Phần hoàng: 黄焚: hóa sớ, mã sau khi hành lễ với thần linh, tổ tông.

14. Về nguồn địa bạ (sổ ruộng đất) liên quan tới Vân Cát, An Thái, Tiên Hương, tại các cơ sở lưu trữ hiện nay, chỉ còn 02 cuốn địa bạ của xã Vân Cát và xã An Thái, lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1: Phòng Địa bạ triều Nguyễn: hồ sơ số 6529, lập năm Gia Long thứ 4 (1805), sao lại vào năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) - Địa bạ xã Vân Cát và hồ sơ số 6525, lập năm Gia Long thứ 4 (1805), sao lại vào năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) - Địa bạ xã Yên Thái.

15. Ngay từ khi giành được chính quyền, triều Nguyễn đã ý thức rất rõ về chủ quyền và lãnh thổ. Vì vậy khi mới lên ngôi, vua Gia Long đã xuống chiếu cho các tỉnh từ Nghệ An, Thanh Hoá đến các trấn ở Bắc thành làm sổ ruộng đệ nộp. Năm Gia Long 9 (1810) bắt đầu cho lập Địa bạ từ Quảng Bình trở vào Nam. Theo quy định năm Gia Long 4 (1805), mỗi địa bạ được làm thành 3 bản giáp, át, bính; làm xong gửi nộp lên Bộ Hộ đóng dấu. Bản giáp để lưu chiếu ở Bộ Hộ, bản át lưu chiếu ở thành trấn, bản bính cấp cho các xã giữ làm bằng. Địa bạ được lập một cách có hệ thống và theo mẫu thống nhất trong phạm vi cả nước - <https://luutru.gov.vn/dia-ba-trieu-nguyen:-mot-suu-tap-quoc-bao-ve-tu-lieu-han-nom-tai-viet-nam-140-vtlt.htm>

16. Trung tâm Lưu trữ quốc gia 1, *Phòng Địa bạ triều Nguyễn*, hồ sơ số 6525, lập năm Gia Long thứ 4 (1805), sao lại vào năm Minh Mệnh thứ 11 (1830) - Địa bạ xã Yên Thái.

17. Nguyễn Ôn Ngọc, Nam Định tỉnh địa dư chí (Phòng Địa chí Thư viện tỉnh dịch), tr.39 - <http://thuviennamdinh.vn/userfiles/Nam%20%C4%90%E1%BB%8Bnh%20t%E1%BB%89nh%20%C4%91%E1%BB%8Ba%20d%C6%B0%20ch%C3%AD%20-%20Nguy%E1%BB%85n%20On%20Ng%E1%B%8Dc%2812%29.pdf>

18. Đồng Khánh Dư địa chí chú: Xã Tiên Hương; Đầu Nguyễn về trước là xã An Thái. Từ năm Tự Đức thứ 15 (1862) kiêng húy Ngải vương Nguyễn Phúc Thái, đổi là xã Tiên Hương.

19. Nguyễn Ôn Ngọc, Nam Định tỉnh địa dư chí (Phòng Địa chí Thư viện tỉnh dịch), tr.39 - <http://thuviennamdinh.vn/userfiles/Nam%20%C4%90%E1%BB%8Bnh%20t%E1%BB%89nh%20%C4%91%E1%BB%8Ba%20d%C6%B0%20ch%C3%AD%20-%20Nguy%E1%BB%85n%20On%20Ng%E1%B%8Dc%2812%29.pdf>

20. Đồng Khánh Dư địa: Xã Tiên Hương; Đầu Nguyễn về trước là xã An Thái. Từ năm Tự Đức thứ 15 (1862) kiêng húy Ngải vương Nguyễn Phúc Thái, đổi là xã Tiên Hương.

21. Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, Tiên phủ dịch lục (bản khắc), Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AB.289; Thần tích xã Vân Cát, huyện Vụ Bản, tổng Đồng Đội, tỉnh Nam Định, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu Aea15/28, chép lại dưới thời Nguyễn cũng xác nhận: đương thời, xã An Thái gồm 4 giáp: Giáp Nhất - thôn Vân Cát, Giáp Nhị - thôn Vân Đình, Giáp Tam - thôn La Tây, Giáp Tứ - thôn Nham Miếu.

Nguyễn Đạt Thức: Ke Giay - Van Cat - An Thai - Tien Huong in the transformation of village structure and places

Regarding the Holy Mother Lieu Hanh worshipping in Phù Giày (Nam Dinh), inspired by the research question of the late Professor Tran Quoc Vuong that “why after splitting Van Cat and Tien Huong are being converged? ”, through a survey of related Han Nom documents and the field, the article depicted the historico-geographical relationship between Ke Giay - Van Cat - An Thai - Tien Huong, famous sites associated with the worship of the Holy Mother in the history. This depiction facilitates the studying of the history - culture of Ke Giay land and the custom of worshipping the Holy Mother in the next studies.

Key words: Ke Giay, Van Cat, An Thai, Tien Huong, Holly Mother Lieu Hanh.